

Số: 1516/SGDDĐT-GDTrH

Quảng Bình, ngày 06 tháng 8 năm 2018

V/v đánh giá kết quả tập huấn và  
thống nhất nội dung triển khai thực  
hiện về kiểm tra đánh giá kết quả  
dạy học

Kính gửi: Các phòng giáo dục và đào tạo

Sau khi triển khai tập huấn về kiểm tra đánh giá kết quả dạy học cấp THCS theo Kế hoạch số 916/SGDDĐT-GDTrH, Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Bình đánh giá kết quả tập huấn và thống nhất một số nội dung triển khai thực hiện từ năm học 2018-2019 cụ thể như sau:

## **1. Đánh giá kết quả tập huấn**

### **1.1. Ưu điểm**

- Giảng viên nhiệt tình, tích cực và đầu tư nhiều công sức, trí tuệ, thời gian trong việc lựa chọn nội dung, phương pháp phù hợp để giúp các học viên có điều kiện tiếp thu kiến thức mới. Đặc biệt là đã tạo được không khí sôi nổi, chan hòa, cởi mở và thống nhất cao trong lớp học.

- Đa số học viên tham gia đầy đủ, chấp hành nghiêm túc thời gian, nội quy, qui định của Ban Tổ chức. Có thái độ học tập nghiêm túc, tinh thần ham học, chịu khó nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp; tiếp thu nội dung tập huấn tốt, tích cực, nhiệt tình và hoàn thành khá tốt nhiệm vụ được giao.

- Chất lượng tập huấn đạt kết quả tương đối tốt. Nhìn chung hầu hết học viên hiểu và nắm vững các nội dung cơ bản của đợt tập huấn; sản phẩm của các nhóm đều đáp ứng được mục đích, yêu cầu đặt ra và phản ánh được năng lực, trình độ của giáo viên tham gia tập huấn.

Sản phẩm của các nhóm sau đây được giảng viên các bộ môn đánh giá có chất lượng khá tốt:

- + Nhóm các phòng GD&ĐT: Quảng Trạch, Ba Đồn và Bố Trạch (môn Ngữ văn);
- + Nhóm các phòng GD&ĐT: Minh Hóa, Lệ Thủy, Bố Trạch (môn Lịch sử);
- + Nhóm các phòng GD&ĐT: Lệ Thủy, Quảng Ninh, Bố Trạch, Quảng Trạch, Đồng Hới (môn Địa lí);
- + Nhóm các phòng GD&ĐT: Đồng Hới, Tuyên Hóa (môn GDCD);
- + Nhóm các phòng GD&ĐT: Đồng Hới, Ba Đồn (môn Hóa học, Sinh học);
- + Nhóm các phòng GD&ĐT: Đồng Hới, Quảng Ninh (môn Tiếng Anh);
- + Nhóm phòng GD&ĐT Lệ Thủy (môn Toán).

### **1.2. Tồn tại**

- Một số học viên còn đến lớp muộn, chưa thực sự nhiệt tình trong quá trình thực hành.

- Vẫn còn học viên không mang máy tính theo yêu cầu dẫn đến khó khăn, chậm trễ trong quá trình thực hành và hoàn thiện sản phẩm.

- Phòng GD&ĐT Minh Hóa không cử đủ số lượng giáo viên tập huấn theo qui định (Mỗi môn chỉ cử 3/5 giáo viên tham gia).

- Ngoài ra, một số lớp còn những tồn tại sau đây:

+ Môn Lịch sử và GDCD: Một số nhóm mặc dù đã thừa nhận khi được góp ý nhưng chưa kịp thời khắc phục các tồn tại của sản phẩm nhóm mình theo yêu cầu.

+ Môn Ngữ văn: Do tiếp thu phần lí thuyết chưa kĩ nên sản phẩm của một số nhóm còn nhầm lẫn các mức độ đánh giá khi ra đề phần đọc hiểu.

## **2. Nội dung thống nhất triển khai thực hiện**

Từ ý kiến thảo luận, đề xuất, kiến nghị tại các lớp tập huấn, bắt đầu từ năm học 2018-2019, Sở chỉ đạo thống nhất một số nội dung về ra đề kiểm tra đối với cấp THCS như sau (những nội dung khác liên quan đến việc ra đề vẫn thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và Sở GD&ĐT):

### **2.1. Các môn Toán, Lý, Hóa, Sinh, Tin, Công nghệ, Sử, Địa, GDCD**

#### **a. Về ma trận đề kiểm tra**

- Bài kiểm tra 1 tiết trở lên phải xây dựng ma trận đề.

- Các bộ môn sử dụng mẫu ma trận đề đã thống nhất trong đợt tập huấn (*Xem một số mẫu ma trận đề tại Phụ lục 1*).

#### **b. Về đề kiểm tra**

- *Đề kiểm tra một tiết*: Ra đề tự luận hoặc kết hợp một cách hợp lí giữa trắc nghiệm và tự luận.

- *Đề kiểm tra học kì*: Đề ra gồm 02 phần:

+ Phần trắc nghiệm: chiếm tỉ lệ 30% (3,0 điểm); gồm 12 câu trắc nghiệm có 04 lựa chọn (mỗi câu 0,25 điểm). Cụ thể:

- ▶ Câu 1, 2, 3, 4: ra mức Nhận biết;
- ▶ Câu 5, 6, 7, 8: ra mức Thông hiểu;
- ▶ Câu 9, 10: ra mức Vận dụng;
- ▶ Câu 11, 12: ra mức Vận dụng cao.

+ Phần tự luận: chiếm tỉ lệ 70% (7,0 điểm); gồm một số câu hỏi, bài tập tự luận; tùy theo đối tượng học sinh để kết hợp các mức Nhận biết, Thông hiểu, Vận dụng và Vận dụng cao một cách hợp lí.

### **2.2. Môn Ngữ văn**

#### **a. Về đề kiểm tra và ma trận đề**

- *Đối với đề kiểm tra một tiết và các bài viết*:

+ Cần phải xây dựng ma trận đề (trừ trường hợp đề chỉ có không quá 03 câu hỏi/bài tập).

+ Tùy theo tính chất của phân môn và nội dung kiến thức cần kiểm tra để ra đề phù hợp. Có thể ra đề tự luận hoặc kết hợp một cách hợp lí giữa trắc nghiệm với tự luận.

- *Đối với đề kiểm tra học kì*:

+ Giáo viên không cần phải xây dựng ma trận đề (bởi vì đề kiểm tra học kì đã được qui định cụ thể về cấu trúc, số câu và mức độ cần đạt đối với mỗi câu).

+ Hình thức, cấu trúc, số câu, mức điểm, mức độ cần đạt của đề kiểm tra học kì môn Ngữ văn lớp 6, 7, 8, 9: xem *Phụ lục 2*.

**b. Về hướng dẫn chấm**

Cấu trúc, nội dung và thang điểm từng phần của hướng dẫn chấm: xem *Phụ lục 2*.

**2.3. Môn Tiếng Anh**

**a. Về ma trận đề**

Ma trận đề kiểm tra 1 tiết và học kì thực hiện theo mẫu đã thống nhất trong đợt tập huấn (xem *Phụ lục 1*).

**b. Về đề kiểm tra và các vấn đề liên quan đến kiểm tra, đánh giá**

- Những vấn đề liên quan đến kiểm tra, đánh giá thực hiện theo Công văn số 1824/SGDDĐT-GDTrH ngày 04/9/2015 về việc hướng dẫn kiểm tra, đánh giá môn Tiếng Anh THCS và THPT từ năm học 2015-2016;

- Tỷ lệ các mức độ Nhận biết, Thông hiểu, Vận dụng và Vận dụng cao trong một đề kiểm tra có thể điều chỉnh tùy theo đối tượng học sinh, nhưng chênh lệch so với qui định tại Công văn số 1824/SGDDĐT-GDTrH không quá 10%.

**2.4. Các bộ môn Thể dục, Mĩ thuật, Âm nhạc**

Việc ra đề kiểm tra vẫn thực hiện như lâu nay.

**3. Tổ chức thực hiện**

Các phòng GD&ĐT triển khai một số nội dung công việc sau đây:

- Tổ chức tập huấn mở rộng cho cán bộ quản lý và giáo viên cấp THCS về những nội dung đã tiếp thu từ đợt tập huấn của Sở GD&ĐT để triển khai thực hiện từ năm học 2018-2019.

- Hướng dẫn, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phòng GD&ĐT thực hiện các nội dung đã thống nhất; đồng thời kiểm tra, đánh giá kết quả triển khai của các trường.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, GDTrH.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Trần Đình Nhân**

## Phu lục 1

### MỘT SỐ MẪU MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

#### 1. Môn Toán

#### MẪU MA TRẬN ĐỀ KẾT HỢP TỰ LUẬN VÀ TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN

Cấp độ		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Cộng (số điểm)
		TN KQ	TL	TNK Q	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	
Chương I (Số tiết, tỉ lệ %)	Chủ đề 1	Câu 1					Câu 13 (số điểm)			
	Chủ đề 2			Câu 5						
	Chủ đề 3	...	....	.....	....	....	.....	.....	.....	
Chương II (Số tiết, tỉ lệ %)	.....									
Chương III (Số tiết, tỉ lệ %)	.....									
<b>Tổng số câu</b> <b>Số điểm</b> <b>Tỉ lệ %</b>										

#### Lưu ý:

- Tỉ lệ: Đại số: 6,5 điểm; Hình học: 3,5 điểm (Lớp 7, 8, 9).

- Cách tính tỉ lệ các chủ đề: tính theo phân môn, ví dụ:

Đại số có 3 chương, chương 1: 15t, chương 2: 20t, chương 3: 25t.

Khi đó: tỉ lệ chương 1 sẽ là:  $15 \cdot 100 / 60 = 25\%$

Số điểm chương 1 là:  $6,5 \cdot 25\% = 1,625$  (1,5 điểm)

tỉ lệ chương 2 sẽ là:  $20 \cdot 100 / 60 = 33\%$

Số điểm chương 2 là:  $6,5 \cdot 33\% = 2,145$  (2,0 điểm)

tỉ lệ chương 3 sẽ là: 42%

Số điểm chương 3 là: (3,0 điểm)

Hình học được tính tương tự.

- Tỉ lệ mức độ nhận thức toàn đề: Nhận biết và thông hiểu: 50-60%, Vận dụng cao: không quá 15%.

*Long*

## 2. Môn Lịch sử, Địa lí và GDCD

### MẪU MA TRẬN ĐỀ KẾT HỢP TỰ LUẬN VÀ TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN

Chủ đề	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Tổng
	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
<b>Tên chủ đề...</b>									
<i>Số câu Số điểm Tỉ lệ %</i>									
<b>Tên chủ đề...</b>									
<i>Số câu Số điểm Tỉ lệ %</i>									
<b>Tên chủ đề...</b>									
<i>Số câu Số điểm Tỉ lệ %</i>									
<i>Tổng: Số câu Số điểm Tỉ lệ %</i>									

*Long*

### 3. Môn Hóa học và Tin học

#### MẪU MA TRẬN ĐỀ KẾT HỢP TỰ LUẬN VÀ TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN

Tên chủ đề (nội dung, chương...)	Cấp độ nhận thức								Cộng
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng				
					Cấp độ thấp		Cấp độ cao		
	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
<b>Chủ đề 1</b>	(Ch) (Mô tả rõ các chuẩn KT, KN cần kiểm tra)	(Ch)	(Ch)	(Ch)	(Ch)	(Ch)	(Ch)	(Ch)	(Ch)
Số câu Số điểm Tỉ lệ %	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu ... điểm= ..%
<b>Chủ đề 2</b>	(Ch)	(Ch)	(Ch)	(Ch)	(Ch)	(Ch)	(Ch)	(Ch)	
Số câu Số điểm Tỉ lệ %	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu ... điểm= ..%
.....									
.....									
<b>Chủ đề n</b>	(Ch)	(Ch)	(Ch)	(Ch)	(Ch)	(Ch)	(Ch)	(Ch)	
Số câu Số điểm Tỉ lệ %	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu ... điểm= ..%
Tổng số câu Tổng số điểm Tỉ lệ %	Số câu Số điểm %		Số câu Số điểm %		Số câu Số điểm %				Số câu Số điểm

*Long*

#### 4. Môn Vật lí và Công nghệ CN

##### MẪU MA TRẬN ĐỀ KẾT HỢP TỰ LUẬN VÀ TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN

Tên Chủ đề	Nhận biết (Mức độ 1)	Thông hiểu (Mức độ 2)	Vận dụng (Mức độ 3)	Vận dụng cao (Mức độ 4)
<b>Chủ đề 1: ... (... tiết)</b>				
1. ND1. 2. ND2. 3. ND n.	(Ch) (Mô tả rõ các chuẩn KT, KN cần kiểm tra)	(Ch) (Mô tả rõ các chuẩn KT, KN cần kiểm tra)	(Ch) (Mô tả rõ các chuẩn KT, KN cần kiểm tra)	(Ch) (Mô tả rõ các chuẩn KT, KN cần kiểm tra)
<b>Câu trong đề KT</b>	(TN hay TL) Ví dụ: C1(TN);C3(TN)	(TN hay TL) Ví dụ: C5(TN)	(TN hay TL) Ví dụ: C8(TN);C12(TL)	(TN hay TL) Ví dụ: C15(TL)
<b>Số câu (điểm) Tỉ lệ %</b>	<b>Số câu TN (điểm); Số câu TL (điểm) Tỷ lệ %</b>		<b>Số câu TN (điểm); Số câu TL (điểm) Tỷ lệ %</b>	
<b>Chủ đề 2: ... (... tiết)</b>				
1. ND1. 2. ND2. 3. ND n.	(Ch) (Mô tả rõ các chuẩn KT, KN cần kiểm tra)	(Ch) (Mô tả rõ các chuẩn KT, KN cần kiểm tra)	(Ch) (Mô tả rõ các chuẩn KT, KN cần kiểm tra)	(Ch) (Mô tả rõ các chuẩn KT, KN cần kiểm tra)
<b>Câu trong đề KT</b>	(TN hay TL) Ví dụ: C1(TN);C3(TN)	(TN hay TL) Ví dụ: C5(TN)	(TN hay TL) Ví dụ: C8(TN);C12(TL)	(TN hay TL) Ví dụ: C15(TL)
<b>Số câu (điểm) Tỉ lệ %</b>	<b>Số câu TN (điểm); Số câu TL (điểm) Tỷ lệ %</b>		<b>Số câu TN (điểm); Số câu TL (điểm) Tỷ lệ %</b>	
<b>Chủ đề n: ... (... tiết)</b>				
<b>TS số câu (điểm) TS điểm (Tỉ lệ %)</b>	<b>T.Số câu TN (điểm); T.Số câu TL (điểm) TS điểm (Tỷ lệ %)</b>		<b>T.Số câu TN (điểm); T.Số câu TL (điểm) TS điểm (Tỷ lệ %)</b>	

#### 5. Môn Sinh học và Công nghệ NN

Cấp độ Tên chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
<b>Chủ đề 1:</b>	Mô tả rõ các chuẩn KT, KN cần kiểm tra (Ch)	(Ch)	(Ch)	(Ch)
Tỷ lệ % = ... điểm = ... câu	Tỷ lệ % = ... điểm = ... câu	Tỷ lệ % = ... điểm = ... câu	Tỷ lệ % = ... điểm = ... câu	Tỷ lệ % = ... điểm = ... câu
<b>Chủ đề 2:</b>	(Ch)	(Ch)	(Ch)	(Ch)

Tỷ lệ % = ... điểm = ... câu	Tỷ lệ % = ... điểm = ... câu	Tỷ lệ % = ... điểm = ... câu	Tỷ lệ % = ... điểm = ... câu	Tỷ lệ % = ... điểm = ... câu
<b>Chủ đề ...</b>	(Ch)	(Ch)	(Ch)	(Ch)
Tỷ lệ % = ... điểm = ... câu	Tỷ lệ % = ... điểm = ... câu	Tỷ lệ % = ... điểm = ... câu	Tỷ lệ % = ... điểm = ... câu	Tỷ lệ % = ... điểm = ... câu
<b>Chủ đề n:</b>	(Ch)	(Ch)	(Ch)	(Ch)
Tỷ lệ % = ... điểm = ... câu	Tỷ lệ % = ... điểm = ... câu	Tỷ lệ % = ... điểm = ... câu	Tỷ lệ % = ... điểm = ... câu	Tỷ lệ % = ... điểm = ... câu
<b>Tổng cộng:</b> Tỷ lệ 100% = 10 điểm = ... câu	Tỷ lệ % = ... điểm = ... câu	Tỷ lệ % = ... điểm = ... câu	Tỷ lệ % = ... điểm = ... câu	Tỷ lệ % = ... điểm = ... câu

*Long*



## 6. Môn Tiếng Anh

### MẪU MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT MÔN TIẾNG ANH (KHÔNG CÓ KĨ NĂNG NÓI)

Chủ đề	Nội dung	Loại câu hỏi	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	VD cao	Số điểm	Số câu	Tỉ lệ %
LISTENING									
LANGUAGE FOCUS (Phonetics, Grammar and vocabulary)									
READING 1									
READING 2									
WRITING									
Tổng số câu									
Tổng điểm									
Tỉ lệ %									

Câu hỏi TN: ..... %

Câu hỏi TL/Khác: .....%

*Long*

MẪU MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ MÔN TIẾNG ANH  
(BAO GỒM KĨ NĂNG NÓI)

Chủ đề	Nội dung	Loại câu hỏi	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	VD cao	Số điểm	Số câu	Tỉ lệ %
SPEAKING									
LISTENING									
LANGUAGE FOCUS (Phonetics, Grammar and Vocabulary)									
READING 1									
READING 2									
WRITING									
Tổng số câu									
Tổng điểm									
Tỉ lệ %									

Câu hỏi TN: ..... %

Câu hỏi TL/Khác: .....%

*Long*

## Phụ lục 2

Hình thức, cấu trúc, số câu, mức điểm, mức độ cần đạt của đề kiểm tra và Hướng dẫn chấm học kì môn Ngữ văn lớp 6, 7, 8, 9

### 1/ Đề kiểm tra

#### \* Lớp 6 và lớp 7

##### **I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)**

Cho một văn bản/ đoạn trích và ra 04 câu hỏi đọc hiểu. Cụ thể:

- Câu 1 (0,5 điểm): yêu cầu mức Nhận biết;
- Câu 2 (0,5 điểm): yêu cầu mức Nhận biết;
- Câu 3 (1,0 điểm): yêu cầu mức Thông hiểu;
- Câu 4 (1,0 điểm): yêu cầu mức Thông hiểu.

##### **II. KIỂM TRA KIẾN THỨC (2,0 điểm)**

Ra 03 câu hỏi/bài tập để kiểm tra kiến thức Văn học hoặc Tiếng Việt. Cụ thể:

- Câu 1 (0,5 điểm): yêu cầu mức Nhận biết;
- Câu 2 (0,5 điểm): yêu cầu mức Nhận biết;
- Câu 3 (1,0 điểm): yêu cầu mức Thông hiểu.

##### **III. LÀM VĂN (5,0 điểm)**

Yêu cầu học sinh viết một bài văn (mức Vận dụng cao).

#### \* Lớp 8, 9

##### **I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)**

Cho một văn bản/ đoạn trích và ra 04 câu hỏi đọc hiểu. Cụ thể:

- Câu 1 (0,5 điểm): yêu cầu mức Nhận biết;
- Câu 2 (0,5 điểm): yêu cầu mức Nhận biết;
- Câu 3 (1,0 điểm): yêu cầu mức Thông hiểu;
- Câu 4 (1,0 điểm): yêu cầu mức Vận dụng.

##### **II. LÀM VĂN (7,0 điểm)**

###### **Câu 1 (2,0 điểm)**

Yêu cầu học sinh viết một đoạn văn khoảng 100 chữ (mức Vận dụng).

###### **Câu 2 (5,0 điểm)**

Yêu cầu học sinh viết một bài văn (mức Vận dụng cao).

### 2/ Hướng dẫn chấm:

Thống nhất cấu trúc, nội dung và thang điểm từng phần của *Hướng dẫn chấm* như sau:

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
<b>I</b>		<b>ĐỌC HIỂU</b>	<b>3,0</b>
	1	(Ghi yêu cầu cần đạt)	0,5
	2	(Ghi yêu cầu cần đạt)	0,5
	3	(Ghi yêu cầu cần đạt)	1,0
	4	(Ghi yêu cầu cần đạt)	1,0
<b>II</b>		<b>LÀM VĂN</b>	<b>7,0</b>
	1	(Ghi lại/tóm tắt lại đề Câu 1 bằng chữ đậm)	<b>2,0</b>
	a.	Đảm bảo thể thức của một đoạn văn	0,25

	b. Chính tả, dùng từ đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.	0,25
	c. Triển khai nội dung đoạn văn theo yêu cầu ( <i>ghi rõ ý cần triển khai - mức điểm của từng ý</i> )	1,25
	d. Sáng tạo: có quan điểm riêng, suy nghĩ mới mẻ, phù hợp với chuẩn mực đạo đức, văn hóa, pháp luật; có cách diễn đạt độc đáo.	0,25
<b>2</b>	<b>(Ghi lại/tóm tắt lại đề Câu 2 bằng chữ đậm)</b>	<b>5,0</b>
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn với các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài theo yêu cầu.	0,5
	b. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,5
	c. Triển khai vấn đề theo yêu cầu ( <i>ghi rõ các yêu cầu, các ý cần triển khai - mức điểm của từng yêu cầu, từng ý</i> )	3,5
	d. Sáng tạo: Có quan điểm, suy nghĩ, phát hiện độc đáo, mới mẻ (hợp lí, thuyết phục); có cách trình bày, diễn đạt ấn tượng.	0,5

Lưu ý:

Giáo viên tùy theo cấu trúc và nội dung của đề để điều chỉnh mẫu *Hướng dẫn chấm* ở trên một cách hợp lí (các tình huống cần điều chỉnh đã được trình bày kĩ tại lớp tập huấn).

*Ví dụ:*

Câu 1 phần Làm văn, nếu đề yêu cầu viết đoạn thuyết minh một phương pháp thì hướng dẫn chấm cần bỏ ý d và tăng ý c thành 1,5 điểm. Tương tự như vậy, Câu 2 phần Làm văn, nếu đề yêu cầu viết đoạn thuyết minh một phương pháp thì hướng dẫn chấm cần bỏ ý d và tăng ý c thành 4,0 điểm...

Đối với hướng dẫn chấm đề kiểm tra lớp 6 và lớp 7 thì phải thêm *phần kiểm tra kiến thức*.

.....  
